

BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN
THỜI HẠN MÙA KHU VỰC TỈNH THANH HÓA
(Từ tháng 05 đến tháng 10 năm 2024)

I. PHÂN TÍCH ĐÁNH GIÁ KHÍ HẬU NỔI BẬT TỪ THÁNG 02 ĐẾN 22/04/2024

1.1. Thời tiết nguy hiểm

* **Không khí lạnh (KKL):** Từ tháng 02 đến 22/04/2024 có 04 đợt gió mùa đông bắc (GMĐB) và 02 đợt không khí lạnh tăng cường (KKLTC), trung bình mỗi tháng có từ 2 - 3 đợt KKL, xấp xỉ so với TBNN cùng kỳ. Những ngày đầu tháng 4 KKL hoạt động yếu.

Nhìn chung, các đợt KKL tràn về đều gây ra mưa và mưa nhỏ rải rác; riêng đợt ngày 19/3 đã có mưa vừa, có nơi mưa to và rải rác có dông; gió Bắc đến Đông bắc trong đất liền cấp 3, cấp 4, ven biển cấp 5, ngoài khơi cấp 6 - 7, giạt cấp 8. Biển động mạnh. Trời rét, có ngày rét đậm.

- Rét đậm, rét hại:

Có 01 đợt rét đậm vào các ngày 01, 02/03/2024 với nhiệt độ không khí trung bình ngày phổ biến 14 – 15°C, nhiệt độ không khí thấp nhất 12.0 độ C tại trạm KT Yên Định (ngày 02/03).

Ngoài ra trong tháng 02 có 01 ngày rét đậm (09/02), nhiệt độ không khí trung bình ngày từ 13.5 – 14.5 độ C, nhiệt độ không khí thấp nhất là 11.5 độ C tại trạm KT Nga Sơn.

* **Mưa lớn:** Có 01 đợt mưa lớn

Đêm 18, ngày 19/3, do ảnh hưởng của không khí lạnh nén rãnh áp thấp kết hợp với hội tụ gió trên cao, khu vực tỉnh Thanh Hóa đã có mưa vừa, có nơi mưa to. Lượng mưa phổ biến từ 15 – 50mm, có một số điểm đo mưa tự động lượng mưa lớn hơn như: Vườn Quốc Gia Bến En (Như Thanh) 72.6mm, Tân Thành 1 (Thường Xuân) 69.6mm,...

* **Lốc, mưa đá:** Có 02 trận lốc, kèm mưa đá

- Trận 01: Do ảnh hưởng của rãnh áp thấp bị nén kết hợp với hội tụ gió Tây trên cao nên chiều tối, đêm 28 và sáng ngày 29/3 ở Thanh Hóa đã xảy ra mưa rào và dông. Trong mưa dông tại xã Giao Thiện huyện Lang Chánh, xã Yên Nhân huyện Thường Xuân và huyện Mường Lát có kèm lốc và mưa đá, gây ra một số thiệt hại về tài sản và hoa màu (Chi tiết tại báo cáo số 01-BCDTL/THOA, ngày 30/3/2024)

- Trận 02: Do ảnh hưởng của rìa nam rãnh áp thấp nối với vùng áp thấp phía Tây, kết hợp với hội tụ gió trên cao nên chiều tối, đêm 17/4 ở khu vực vùng núi Thanh Hóa đã xảy ra mưa rào và dông mạnh. Trong mưa dông tại một số xã thuộc huyện Mường Lát đã xảy ra lốc và mưa đá; gây ra một số thiệt hại về tài sản. (Chi tiết tại báo cáo số 02-BCDTL/THOA, ngày 19/4/2024)

* **Nắng nóng:** Có 02 đợt nắng nóng:

- Đợt 01: Từ ngày 31/03 – 04/4: Do ảnh hưởng của rìa nam rãnh áp thấp nối với vùng áp thấp phía Tây phát triển và mở rộng về phía Đông nam, nên ở Thanh Hóa trời nắng, nắng nóng, riêng vùng núi có nắng nóng gay gắt và đặc biệt gay gắt; Với nhiệt độ không khí cao

nhất ngày phổ biến ở đồng bằng ven Biển 33.0 - 35.0 độ C, trung du vùng núi từ 37 - 39 độ C, riêng tại trạm Khí tượng Hội Xuân (Quan Hóa) 39.6 độ C, Như Xuân (Như Thanh) 39.4 độ C đều xảy ra ngày 02/4, độ ẩm thấp nhất trong không khí xuống 35 - 45%. Đây là đợt nắng nóng đầu tiên trong năm 2024.

- Đợt 02: Từ ngày 14 – 22/4: Do ảnh hưởng rìa nam rãnh áp thấp nối với vùng áp thấp nóng phía Tây, nên ở khu vực Thanh Hóa trời nắng, nắng nóng, riêng vùng núi có nơi nắng nóng gay gắt và đặc biệt gay gắt; Với nhiệt độ không khí cao nhất ngày phổ biến ở đồng bằng ven Biển 34.0 - 36.0 độ C, khu vực vùng núi từ 36 - 38 độ C, riêng tại trạm Khí tượng Hội Xuân (Quan Hóa) 39.0 độ C (ngày 21/4), độ ẩm thấp nhất trong không khí từ 45 - 55%.

Ngoài ra tháng 3 có 01 ngày nắng nóng diện rộng (ngày 05/3) với nhiệt độ không khí cao nhất ngày phổ biến từ 37 - 39 độ C.

1.2. Nhiệt độ và lượng mưa

a. Nhiệt độ: Nhìn chung nền nhiệt độ cao hơn so với TBNN cùng kỳ.

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng 02, 03/2024 phổ biến từ 20.0 - 21.0⁰C, cao hơn so với TBNN cùng kỳ từ 1.0 – 2.0⁰C, nhưng xấp xỉ so với cùng kỳ 2023; trong đó tháng 02 phổ biến từ 19.0 – 20.0⁰C, tháng 3 từ 21 – 22 ⁰C; Từ 01 – 22/4/2024 nhiệt độ không khí trung bình phổ biến từ 26.0 - 27.0⁰C.

- Nhiệt độ không khí tối cao trung bình phổ biến từ 23.0 - 25.0⁰C; nhiệt độ không khí tối cao tuyệt đối 39.6⁰C xảy ra vào ngày 02/04 tại trạm KT Hội Xuân (Quan Hoá); nhiệt độ không khí tối thấp trung bình phổ biến từ 18.0 - 20.0⁰C; nhiệt độ không khí tối thấp tuyệt đối là 11.5⁰C; tại trạm KT Nga Sơn ngày 09/02.

b. Mưa

Tổng lượng mưa từ tháng 02 đến 22/04 phổ biến từ 50 – 120mm; so với TBNNCK ở mức thấp hơn từ 20 – 80mm, (một số nơi như Yên Định, Mường Lát, ...xấp xỉ TBNNCK); so với cùng kỳ 2023: khu vực trung du vùng núi cao hơn từ 30 – 60mm, khu vực đồng bằng thấp hơn từ 10 – 40mm.

(Số liệu lượng mưa tại bảng 1 của phụ lục)

1.2. Tình hình thủy văn và nguồn nước:

Từ tháng 02 đến nay, mực nước trên các sông biến đổi chậm theo xu thế xuống thấp dần và ở mức thấp hơn so với TBNN cùng kỳ.

Mực nước trung bình tháng từ tháng 02 đến nay trên sông Mã tại Lý Nhân thấp hơn so với TBNN cùng kỳ từ 2.35 – 2.46m, xấp xỉ và thấp hơn cùng kỳ năm 2023 là 0.26m; Trên sông Chu tại Xuân Khánh thấp hơn so với TBNN cùng kỳ từ 1.15 – 1.23m, xấp xỉ và thấp hơn so với cùng kỳ năm 2023 là 0.30m.

Lưu lượng dòng chảy trên sông Mã tại Mường Lát ở mức thấp hơn so với TBNN cùng kỳ cũng như cùng kỳ năm 2023 từ 11.4 – 22.3% (riêng tháng 3 cao hơn cùng kỳ năm 2023 là 10.0%), tại Cẩm Thủy ở mức cao hơn so với TBNN cùng kỳ cũng như cùng kỳ năm 2023 từ 6.0 – 20.0%, (riêng tháng 2 thấp hơn cùng kỳ 2023 là 13.5%); Trên sông Chu tại Cửa Đạt ở mức cao hơn so với TBNN cùng kỳ cũng như cùng kỳ năm 2023 từ 7.0 - 16.5% (riêng tháng 2 thấp hơn cùng kỳ năm 2023 là 6.5%).

1.3. Tình hình hồ chứa:

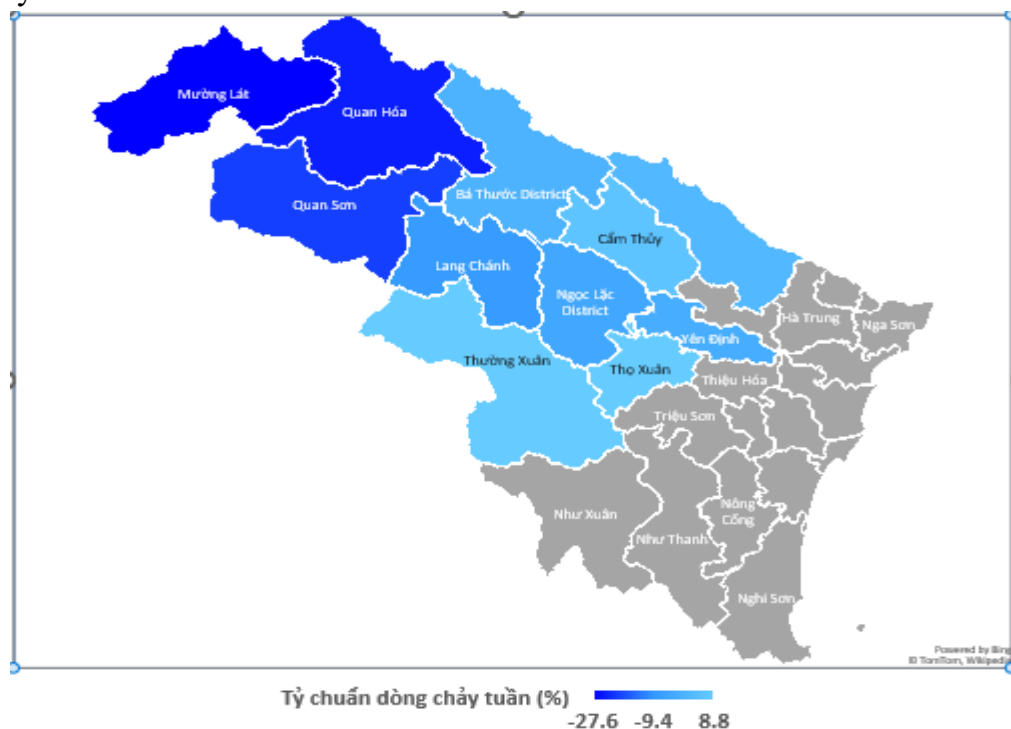
Mực nước tại các hồ đập lớn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa tính đến thời điểm 7h/21/04 tại một số hồ như sau: Hồ Trung Sơn ở mức 156.14m, thấp hơn so với MNDBT là

3.86m, đạt 58.4% so với dung tích hữu ích thiết kế (DTHITK), cao hơn so với cùng kỳ 2023 là 9.81m, cao hơn mực nước tối thiểu ngày 21/4 quy định tại QTVH liên hồ chứa trên lưu vực sông Mã là 3.94m; hồ Cửa Đạt, huyện Thường Xuân ở mức 87.9m, thấp hơn MNDBT là 22.1m, đạt 30.3% so với DTHITK, thấp hơn so với cùng kỳ 2023 là 1.21m, thấp hơn mực nước tối thiểu ngày 21/4 quy định tại QTVH liên hồ chứa trên lưu vực sông Mã là 0.3m; hồ Hòa Na ở mức 230.07m, thấp hơn so với MNDBT là 9.93m, đạt 51.6% so với DTHITK, cao hơn so với cùng kỳ 2023 là 8.15m, cao hơn mực nước tối thiểu ngày 21/4 quy định tại QTVH liên hồ chứa trên lưu vực sông Mã là 4.37m; hồ Sông Mực, huyện Như Thanh ở mức 30.23m, thấp hơn MNDBT 2.77m, đạt 67.7% so với DTHITK; hồ Yên Mỹ, huyện Nông Cống ở mức 16.27m, thấp hơn MNDBT 4.09m, đạt 58.2% so với DTHITK.

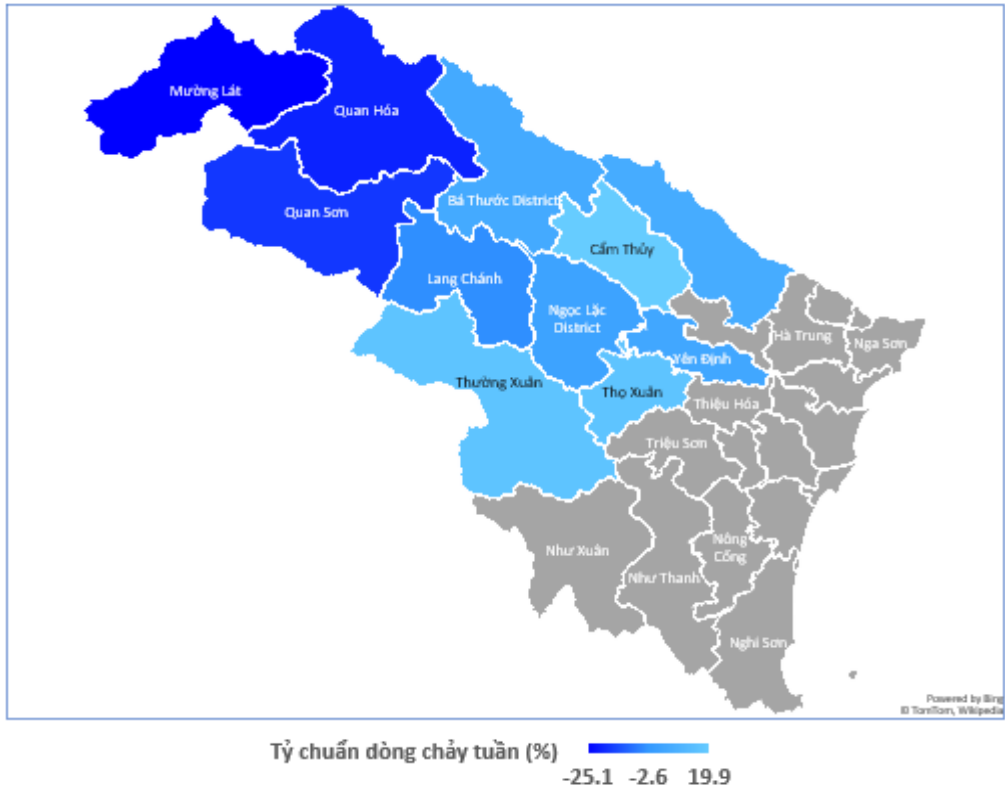
1.4. Tình hình hải văn:

Từ tháng 02 đến nay độ cao sóng phổ biến từ 0.5-1.5m, những ngày do ảnh hưởng của Gió mùa Đông Bắc độ cao sóng ở mức từ 1.5-2.5m, ngoài khơi từ 2.0-3.0m.

Mực nước biển dao động chủ yếu theo thủy triều và ở mức tương đương so với TBNN cùng thời kỳ.



Bản đồ hiện trạng chênh lệch tổng lượng dòng chảy mặt tháng 02/2024 so với TBNN.



Bản đồ hiện trạng chênh lệch tổng lượng dòng chảy mặt tháng 03/2024 so với TBNN.

II. DỰ BÁO XU THẾ KHÍ HẬU TỪ THÁNG 05 - 07/2024

2.1. Hiện tượng ENSO: El Nino đang suy yếu và có khả năng chuyển sang trạng thái trung tính trong mùa tháng V-VI năm 2024 với xác suất 70-80%.

2.2. Các hiện tượng thời tiết nguy hiểm:

* **Xoáy thuận nhiệt đới (Bão hoặc áp thấp nhiệt đới):** Các tháng 5, 6/2024 ít có khả năng xuất hiện xoáy thuận nhiệt đới hoạt động trên Biển Đông, XTNĐ sẽ tập trung chủ yếu vào tháng 7/2024. Số lượng XTNĐ hoạt động trên Biển Đông và ảnh hưởng đến Việt Nam trong năm 2024 sẽ nhiều hơn trong năm 2023, có thể ở mức xấp xỉ TBNN.

* **Lốc, sét và mưa đá:** Từ tháng 5 – 7 có khả năng xảy ra 3 - 5 trận lốc, sét và mưa đá; chủ yếu xảy ra trong những ngày không khí lạnh nén rãnh thấp kết hợp với hội tụ gió trên cao hoặc sau những ngày nắng nóng.

* **Không khí lạnh (KKL):** Tháng 05 và 06/2024 có khoảng 1 - 2 đợt KKL yếu.

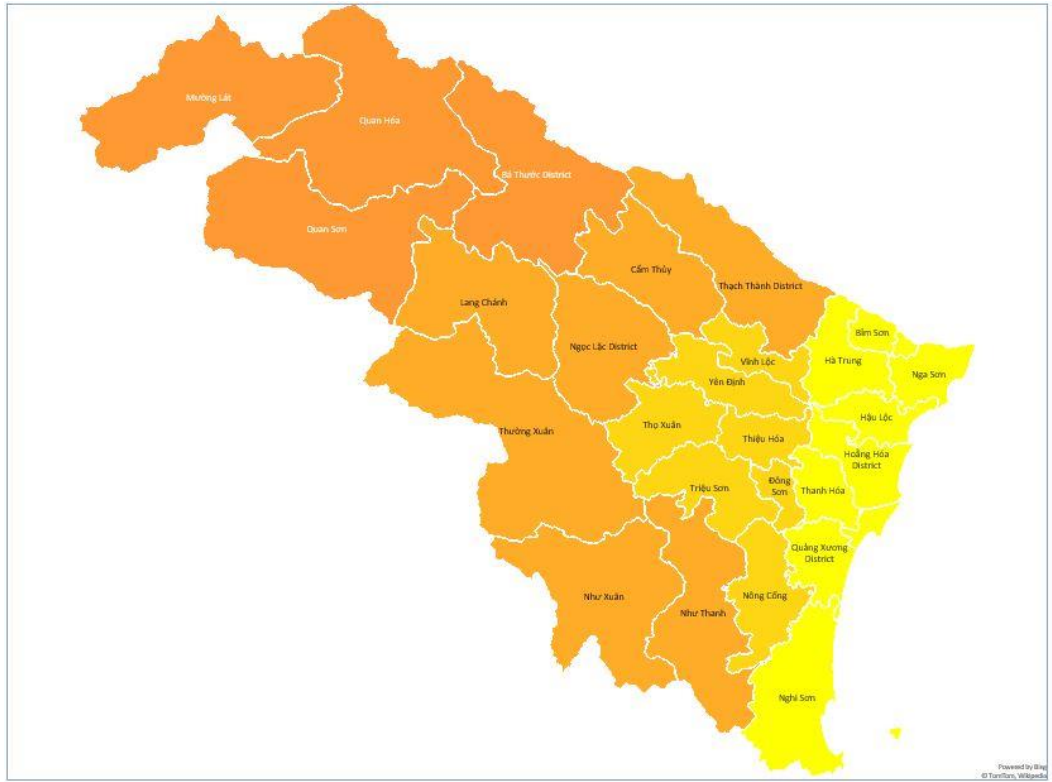
* **Nắng nóng:** Nắng nóng có khả năng xảy ra từ 5 – 7 đợt, trong đó có những đợt nắng nóng gay gắt và kéo dài nhiều ngày hơn so với cùng thời kỳ năm 2023.

* **Dự báo tác động:** Bão và ATNĐ gây ra gió mạnh, sóng lớn ảnh hưởng đến các hoạt động trên vùng biển; ngoài ra hiện tượng mưa lớn, nắng nóng, dông, lốc, mưa đá có thể ảnh hưởng tiêu cực đến các hoạt động sản xuất và sức khỏe cộng đồng.

2.3. Nhiệt độ: Nhiệt độ không khí trung bình từ tháng 05 - 07/2024, ở mức cao hơn so với TBNN và phổ biến từ 30.0 – 31.0 độ C (TBNN: 27.5 – 29.5 độ C). Nhiệt độ không khí thấp nhất từ 21 – 23 độ C. Nhiệt độ tối cao tuyệt đối từ 39 – 41 độ C, riêng các khu vực Quan Hóa, Như Xuân, TX Nghi Sơn,.. có nơi đạt trên 41 độ C.

2.4. Mưa: Tổng lượng mưa từ tháng 05 - 07/2024 ở mức thấp hơn so với TBNN cùng kỳ và phổ biến đạt từ 400 – 650mm, khu vực vùng núi có nơi trên 650mm.

(Số liệu dự báo nhiệt độ và lượng mưa tại bảng 2 của phụ lục)



Nhiệt độ 1,0 1,3 1,5

Biểu đồ dự báo chuẩn sai nhiệt độ trung bình từ tháng 05 - 07/2024



Lượng Mưa -150 -50

Biểu đồ dự báo chuẩn sai tổng lượng mưa từ tháng 05 - 07/2024

2.2. Dự báo thủy văn và nguồn nước:

Từ tháng 05 đến tháng 07/2024, mực nước trên các sông dao động nhỏ và có khả năng xảy ra từ 1 - 2 đợt lũ nhỏ. Mực nước trung bình các tháng phổ biến ở mức thấp hơn so với TBNN cùng kỳ.

Lưu lượng dòng chảy tháng có xu thế tăng dần và ở mức thấp hơn so với TBNN cùng kỳ từ 0.2 – 25.0%.

Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm: Đề phòng có khả năng xảy ra hạn hán cục bộ tại những nơi ngoài vùng cấp nước của các công trình thủy lợi. Độ mặn tại vùng Cửa sông ven biển dao động ở mức cao.

Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Nguy cơ thiếu nước sinh hoạt ở vùng xa nguồn cấp nước và vùng ảnh hưởng triều. Cần theo dõi tình hình nhiễm mặn trên các hệ thống sông để có kế hoạch lấy nước tưới phù hợp để chủ động chỉ đạo sản xuất và nuôi trồng Thủy sản.

2.3 Dự báo hải văn:

Từ tháng 5 – 7/2024, vùng biển Thanh Hóa độ cao sóng phổ biến từ 0.5 - 1.5m, ngoài ra những ngày có bão và ATNĐ sẽ gây ra sóng cao từ 2.0 – 3.0m, mực nước biển dao động theo thủy triều và ở mức TBNN.

(Số liệu dự báo hải văn tại Sầm Sơn tại bảng 5 của phụ lục)

III. DỰ BÁO XU THẾ KHÍ HẬU TỪ THÁNG 08 - 10/2024.

3.1. Các hiện tượng thời tiết nguy hiểm:

* **Xoáy thuận nhiệt đới (Bão hoặc áp thấp nhiệt đới):** Từ tháng 8 - 10/2024, số lượng bão/ATNĐ trên khu vực Biển Đông có khả năng ở mức xấp xỉ đến cao hơn so với TBNN cùng kỳ (TBNN trong khoảng từ 6 - 7 cơn bão/ATNĐ hoạt động trên khu vực Biển Đông trong giai đoạn này). Khu vực Thanh Hóa có khả năng ảnh hưởng 01 - 02 cơn bão hoặc ATNĐ.

* **Không khí lạnh (KKL):** Từ tháng 08 – 10/2024, khu vực Thanh Hóa có từ 3 - 5 đợt KKL, xấp xỉ so với TBNN.

* **Nắng nóng:** Có khả năng xảy ra 2 - 3 đợt nắng nóng, nhưng không gay gắt và không kéo dài.

* **Lốc, sét và mưa đá:** Từ tháng 8 - 10/2024 có khả năng xảy ra 2- 3 trận lốc, sét và mưa đá, xấp xỉ so với TBNN.

* **Mưa lớn:** Từ tháng 08 - 10/2024 có khả năng xảy ra 4 - 6 đợt mưa lớn, đề phòng có đợt mưa lớn gây lũ lụt.

* **Dự báo tác động:** Bão và ATNĐ gây ra gió mạnh, sóng lớn ảnh hưởng đến các hoạt động trên vùng biển; ngoài ra hiện tượng mưa lớn, nắng nóng, dông, lốc, mưa đá có thể ảnh hưởng tiêu cực đến các hoạt động sản xuất và sức khỏe cộng đồng.

3.2. Nhiệt độ: Nhiệt độ không khí trung bình từ tháng 8 – 10/2024 có khả năng ở mức xấp xỉ so với TBNN và phổ biến các tháng 8 và 9 từ 27.5 – 28.5 độ C, tháng 10 từ 24.5 – 25.5 độ C. Nhiệt độ không khí thấp nhất 17.0 – 19.0 độ C. Nhiệt độ tối cao tuyệt đối có thể đạt từ 37 – 39 độ C.

3.3. Mưa: Tổng lượng mưa có khả năng ở mức xấp xỉ đến cao hơn so với TBNN và phổ biến từ 800 – 1200 mm, riêng khu vực phía nam và Tây nam có nơi đạt trên 1200mm.

3.2. Dự báo thủy văn và nguồn nước:

Từ tháng 8 đến tháng 10 là thời điểm chính vụ của mùa mưa, bão, lũ và có khả năng xảy ra từ 3-5 đợt lũ. Đỉnh lũ trên các sông có khả năng ở mức BĐ1 – BĐ2, có nơi trên BĐ2.

Mức nước trung bình các tháng phổ biến ở mức thấp hơn so với TBNN cùng kỳ. Lưu lượng dòng chảy trên dòng chính sông Mã phổ biến thấp hơn so với TBNN cùng kỳ; sông Chu ở mức xấp xỉ đến thấp hơn.

Từ tháng 8 đến tháng 10 lượng dòng trên các sông tăng dần và ở mức xấp xỉ đến thấp hơn so với TBNN cùng kỳ từ 10.0 – 20.0%.

3.3. Dự báo hải văn:

Từ tháng 08 - 10, độ cao sóng phổ biến từ 0.5 - 1.5m, ngoài ra những ngày có bão và ATNĐ sẽ gây ra sóng cao từ 2.0 – 4.0m, mực nước biển dao động theo thủy triều và ở mức TBNN.

Tin phát lúc: 17h00'


Dự báo viên: Bùi Xuân Tuyên

Nguyễn Thị Hoa

Nơi nhận:

- BCHPCTT&TKCN Tỉnh Thanh Hóa
- Tỉnh Ủy Tỉnh Thanh Hóa
- UBND tỉnh Thanh Hóa
- Sở TN và MT Thanh Hóa.
- BCHPCTT&TKCN 27 Huyện, Thị, TP
- Vụ QLDB KTTV
- Đài KTTV KV Bắc Trung Bộ (Báo cáo)
- Lưu KTTVTH.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Minh

Phụ lục

Bảng 1: Tổng lượng mưa từ tháng 02 - 22/04/2024 ở một số điểm đo (mm)

Trạm	Tháng 02	Tháng 03	01 - 22/04	Tổng	SV TBNN	SV năm 2023
KT Thanh Hóa	15,0	28,8	4,0	47,8	-80,0	-27,7
KT Hồi Xuân	10,7	32,1	30,1	72,9	-73,2	-2,8
KT Yên Định	11,0	69,8	43,7	124,5	10,5	52,8
KT Bái Thượng	16,0	95,4	13,7	125,1	-35,4	47,5
KT Như Xuân	16,1	55,4	11,3	82,8	-41,2	-9,8
KT Tĩnh Gia	29,0	38,8	15,1	82,9	-61,6	-81,1
KT Sầm Sơn	18,9	27,8	7,2	53,9	-71,7	-23,4
KT Nga Sơn	13,1	34,5	44,9	92,5	-77,7	-39,4
TV Mường Lát	0,0	25,0	107,0	132,0	-6,2	34,0
TV Hồi Xuân	5,0	33,0	35,0	73,0	-64,1	-6,0
TV Cẩm Thủy	23,0	89,0	15,0	127,0	-17,2	7,0
TV Thạch Quảng	10,0	62,0	9,0	81,0	-51,8	-19,0
TV Kim Tân	18,0	41,0	15,0	74,0	-50,2	-22,0
TV Lý Nhân	7,0	55,0	10,0	72,0	-47,5	-2,0
TV Lang Chánh	13,0	95,0	27,0	135,0	-22,2	94,0
TV Cửa Đạt	17,0	99,0	15,0	131,0	-55,4	37,0
TV Bái Thượng	24,0	90,0	18,0	132,0	-36,9	49,0
TV Xuân Khánh	8,0	57,0	37,0	102,0	-25,9	44,0
TV Giàng	19,0	37,0	31,0	87,0	-42,0	9,0
TV Chuối	20,0	69,0	9,0	98,0	-20,2	52,0
TV Lèn	27,0	36,0	19,0	82,0	-42,8	-37,0
TV Cự Thôn	19,0	38,0	38,0	95,0	-13,5	-27,0
TV Quảng Châu	10,0	15,0	6,0	31,0	-82,4	-35,0
TV Ngọc Trà	32,0	33,0	8,0	73,0	-73,3	-10,0

Bảng 2: Dự báo nền nhiệt độ, lượng mưa từ tháng 5 - 10/2024

KHU VỰC	Tháng 5/2024		Tháng 6/2024		Tháng 7/2024		Tháng 8 -10/2024	
	Ttb (°C)	R (mm)	Ttb (°C)	R (mm)	Ttb (°C)	R (mm)	Ttb (°C)	R (mm)
TP.Thanh Hóa	29.0 – 30.0	100 - 150	29.5 – 30.5	100 - 150	30.0 – 31.0	150 - 200	26.5 – 27.5	900 - 1000
Yên Định	29.0 – 30.0	100 - 150	29.5 – 30.5	100 - 150	29.5 – 30.5	150 - 200	26.5 – 27.5	900 - 1000
Hồi Xuân	28.5 – 29.5	150 - 200	29.0 – 30.0	150 - 200	29.0 – 30.0	250 - 300	26.0 – 27.0	800 - 900
Như Xuân	28.5 – 29.5	100 - 150	29.5 – 30.5	100 - 150	29.5 – 30.5	150 - 200	26.0 – 27.0	900 - 1000
Nghi Sơn	29.0 – 30.0	80 - 120	29.5 – 30.5	100 - 130	29.5 – 30.5	150 - 180	26.5 – 27.5	1100 - 1200
Thọ Xuân	28.5 – 29.5	150 - 200	29.0 – 30.0	150 - 200	29.0 – 30.0	150 – 230	26.0 – 27.0	900 - 1000
Sầm Sơn	29.0 – 30.0	50 - 100	30.0 – 31.0	80 - 100	30.0 – 31.0	150 - 200	27.0 – 28.0	1000 - 1100
Nga Sơn	29.0 – 30.0	50 - 80	30.0 – 31.0	80 - 100	30.0 – 31.0	300 – 350	27.0 – 28.0	1000 - 1100

Bảng 3: Dự báo mực nước (cm) tháng từ tháng 05 - 07/2024.

Sông	Trạm	Tháng 05			Tháng 06			Tháng 07		
		Hmax	Hmin	Htb	Hmax	Hmin	Htb	Hmax	Hmin	Htb
Mã	Mường Lát	16530	16315	16380	16670	16340	16440	16750	16400	16480
-	Hồi Xuân	5450	5300	5400	5550	5350	5420	5600	5360	5450
-	Cẩm Thủy	1350	1118	1180	1480	1130	1215	1550	1140	1255
-	Lý Nhân	320	100	180	450	130	220	550	150	260
-	Giàng	190	-115	30	195	-90	32	200	35	32
-	Quảng châu	165	-125	10	170	-125	15	175	-120	20
Lèn	Lèn	235	-60	65	240	-55	70	245	-55	78
-	Cụ Thôn	225	-70	58	235	-65	65	230	-60	68
Âm	Lang Chánh	4760	4685	4700	4800	4688	4705	4830	4695	4710
Chu	Cửa Đạt	2760	2565	2727	2770	2580	2730	2780	2600	2735
-	Bái Thượng	1180	1000	1082	1230	1030	1100	1300	1045	1120
-	Xuân Khánh	200	55	120	260	100	140	300	115	160
Bưởi	Thạch Quảng	730	635	680	850	650	710	1000	700	750
-	Kim Tân	280	155	210	450	180	250	650	220	280
Yên	Chuối	118	-70	20	125	-60	25	180	-40	50
-	Ngọc Trà	130	-110	10	135	-100	15	150	-95	20

Bảng 4: Dự báo nguồn nước từ tháng 05 đến tháng 07/2024

Sông	Trạm	Tháng 05/2024		Tháng 06/2024		Tháng 07/2024	
		Tổng mưa (mm)	Tổng nước mặt ($10^6 m^3$)	Tổng mưa (mm)	Tổng nước mặt ($10^6 m^3$)	Tổng mưa (mm)	Tổng nước mặt ($10^6 m^3$)
Mã	Cắm Thủy	100 - 150	509	100 - 150	726	150 - 200	1115
	Mường Lát	150 - 200	216	100 - 150	350	250 - 300	480
Chu	Cửa Đạt	100 - 150	161	150 - 200	156	150 - 200	240

Bảng 5: Bảng dự báo mực nước triều tại Sầm Sơn (m) tháng 05 - 07/2024.

Vị trí dự báo	Tháng 05						Tháng 06						Tháng 07					
	Nước Lớn			Nước Ròng			Nước Lớn			Nước Ròng			Nước Lớn			Nước Ròng		
	Hx	T.gian	Ngày	Hm	T.gian	Ngày	Hx	T.gian	Ngày	Hm	T.gian	Ngày	Hx	T.gian	Ngày	Hm	T.gian	Ngày
Sầm Sơn	3.40	17h00	11	0.0	08h30	12	3.49	16h00	08	0.0	06h45	08	3.49	15h00	06	0.0	05h30	06

**BẢNG LƯỢNG MƯA TỪ THÁNG I ĐẾN 07h/22/IV/2024
VÀ SO SÁNH VỚI TBNN CÙNG KỲ VÀ CÙNG KỲ NĂM 2023**

TT	VÙNG	Trạm	Mưa đến 7h/22/IV 2024	Mưa đến 22/IV 2023	Mưa đến 22/IV TBNN	Tổng năm TBNN	So sánh so với cùng kỳ 2023			So sánh so với TBNN cùng kỳ			Đạt % so với Tổng TBNN	
							Chênh lệch (mm)	Đạt (%)	Thiếu hụt (%)	Chênh lệch (mm)	Đạt (%)	Thiếu hụt (%)	Đạt (%)	Thiếu hụt (%)
1	Trung du - Vùng núi	TV Mường Lát	140.0	89.3	123.5	1105.5	50.7	156.7	56.7	16.5	113.4	13.4	12.7	-87.3
2		TV Hồi Xuân	91.0	81.8	141.8	1724.3	9.2	111.2	11.2	-50.8	64.2	-35.8	5.3	-94.7
3		TV Cẩm Thủy	177.0	125.2	144.1	1664.1	51.8	141.4	41.4	32.9	122.8	22.8	10.6	-89.4
4		TV Thạch Quảng	97.0	104.3	132.3	1554.3	-7.3	93.0	-7.0	-35.3	73.3	-26.7	6.2	-93.8
5		TV Kim Tân	115.0	108.0	132.8	1531.7	7.0	106.5	6.5	-17.8	86.6	-13.4	7.5	-92.5
6		TV Lang Chánh	168.0	42.0	154.0	1922.0	126.0	400.0	300.0	14.0	109.1	9.1	8.7	-91.3
7		TV Cửa Đạt	243.0	110.5	207.3	2299.2	132.5	219.9	119.9	35.7	117.2	17.2	10.6	-89.4
8		TV Bái Thượng	200.0	102.3	190.6	1957.6	97.7	195.4	95.4	9.4	104.9	4.9	10.2	-89.8
9		TV Ngọc Lặc	0.0	0.0	116.1									
10		KT Như Xuân	135.6	116.4	144.1	1679.6	19.2	116.5	16.5	-8.5	94.1	-5.9	8.1	-91.9
11	Đồng bằng	TV Lý Nhân	112.0	87.2	115.3	1473.7	24.8	128.5	28.5	-3.3	97.1	-2.9	7.6	-92.4
12		TV Xuân Khánh	143.0	71.2	135.7	1585.4	71.8	200.9	100.9	7.3	105.4	5.4	9.0	-91.0
13		TV Xuân Vinh	0.0	0.0										
14		TV Giàng	150.0	89.7	113.5	1579.1	60.3	167.3	67.3	36.5	132.2	32.2	9.5	-90.5
15		KT Thanh Hóa	97.9	94.1	137.8	1684.4	3.8	104.1	4.1	-39.9	71.0	-29.0	5.8	-94.2
16		TV Chuối	138.0	61.0	128.5	1645.9	77.0	226.2	126.2	9.5	107.4	7.4	8.4	-91.6
17		TV Lèn	114.0	128.7	118.2	1484.7	-14.7	88.6	-11.4	-4.2	96.4	-3.6	7.7	-92.3
18	Ven biển	TV Cự Thôn	128.0	135.8	115.2	1525.8	-7.8	94.2	-5.8	12.8	111.1	11.1	8.4	-91.6
19		TV Quảng Châu	66.0	79.2	121.7	1745.7	-13.2	83.4	-16.6	-55.7	54.2	-45.8	3.8	-96.2
20		TV Ngọc Trà	117.0	103.7	163.0	1656.3	13.3	112.9	12.9	-46.0	71.8	-28.2	7.1	-92.9
21		KT Nga Sơn	119.7	145.9										
22		KT Sầm Sơn	99.5	99.7	103.9	1431.1	-0.2	99.8	-0.2	-4.4	95.7	-4.3	7.0	-93.0
23		KT Tĩnh Gia	134.6	183.8	171.2	1813.9	-49.2	73.2	-26.8	-36.6	78.6	-21.4	7.4	-92.6
TB			133.3	100.7	139.7	1653.2	32.6	146.0	46.0	-6.4	95.3	-4.7	8.1	-91.9

